

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 3 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI K

CV	Số:.....	1119
DEN	Ngày:	02/3/17
Chuyên:		

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016
và giải pháp thực hiện năm 2017

Thực hiện nội dung Công văn số 06/BTC-TTr ngày 03/01/2017 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là THTK, CLP)

Năm 2016, UBND tỉnh tiếp tục tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện phổ biến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016; Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” giai đoạn 2012-2016 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 82/NQ-CP của Chính phủ); Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 16/11/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí giai đoạn 2012-2016 của tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016.

UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các Nghị định hướng dẫn thi hành; đồng thời thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo nhiều

kênh thông tin để các cơ quan báo chí và nhân dân tham gia công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Các sở, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng, lãng phí, gắn với việc học tập và làm theo tấm gương, đạo đức Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã ban hành Kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng và Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đồng thời tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến, quán triệt kịp thời các quy định về phòng, chống tham nhũng và Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cho cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành và nhân dân.

Thông qua công tác tuyên truyền pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã có những chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh, góp phần phòng ngừa, hạn chế tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên một số lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí; ý thức kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan được ngày càng được nâng lên.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP

Thực hiện Luật thực hành, tiết kiệm chống lãng phí và Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2016 trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan đơn vị xây dựng và ban hành Chương trình THTK, CLP năm 2016 theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 17/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2016. Trong đó, tập trung chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ: mỗi cấp, mỗi ngành cần cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm và yêu cầu chống lãng phí của cấp mình, ngành mình, nhưng không thấp hơn chỉ tiêu được quy định trong Chương trình tổng thể về THTK, CLP năm 2016 của Chính phủ; Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm cũng như những giải pháp, biện pháp cần thực hiện ngay trong năm 2016 để đạt được mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm đặt ra; Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện kiểm tra, kịp thời làm rõ lãng phí khi có

thông tin phát hiện để xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý có hành vi lăng phí; Đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ làm cơ sở THTK, CLP; thực hiện công khai trong THTK, CLP, đặc biệt là công khai các hành vi lăng phí và kết quả xử lý.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP

Ngay từ đầu năm các cơ quan thanh tra thực hiện triển khai thanh tra, kiểm tra tại các đơn vị, địa phương theo kế hoạch đề ra và các cuộc thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Trong năm, công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP thực hiện lồng ghép vào các cuộc thanh tra. Nội dung chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý và sử dụng tài chính - ngân sách, thực hiện chính sách xã hội, văn hóa.... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý hành chính nhà nước và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực.

Năm 2016, toàn tỉnh đã thực hiện thanh tra, kiểm tra 39 cuộc, đã hoàn thành 33 cuộc; tổng số có 73 đơn vị vi phạm, phát hiện sai phạm 7.035,91 triệu đồng. Qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi 5.235,29 triệu đồng; kiến nghị nhiều biện pháp chấn chỉnh trong công tác quản lý của các cơ quan, đơn vị.

II. Kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lăng phí năm 2016 trong các lĩnh vực

1.Kết quả THTK, CLP cụ thể trong các lĩnh vực:

a) THTK,CLP trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

- Số văn bản quy định tiêu chuẩn định mức mới được ban hành là 08 văn bản;
- Số văn bản quy định tiêu chuẩn định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp là 08 văn bản;
- Số lần kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ định mức, tiêu chuẩn là 04 lần;
- Tổng số giá trị các vi phạm về chế độ, định mức tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường là 1.592,85 triệu đồng.

b) THTK,CLP trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN):

b1) Trong lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước là 85.365,95 triệu đồng; gồm:

- Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo điều hành của chính phủ (*10% tiết kiệm từ đầu năm*) là 85.967,01 triệu đồng;
- Số tiền vi phạm đã cắt giảm dự toán là 1.500 triệu đồng và cắt giảm các nội dung khác là 101,06 triệu đồng.

b2) Trong sử dụng và thanh quyết toán ngân sách nhà nước

259.124,67 triệu đồng, gồm:

- Tiết kiệm chi hành chính, văn phòng phẩm, cước thông tin điện thoại, sử dụng điện, xăng dầu, nước sạch, công tác phí, trong tổ chức hội nghị, hội thảo, và tiết kiệm trong chi khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm là 224.052,18 triệu đồng;

- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (*ô tô, mô tô, xe gắn máy*) là 811,25 triệu đồng;

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của chính phủ đối với các sở, ban, ngành, đơn vị quản lý hành chính - sự nghiệp. Ngoài ra, còn tiết kiệm chi quản lý hành chính như văn phòng phẩm, cước phí thông tin liên lạc, điện, nước và việc tổ chức hội nghị, hội thảo của các cơ quan hành chính, sự nghiệp thuộc tỉnh và UBND các cấp đã được phát huy theo hướng giảm các cuộc họp không cần thiết, nâng cao chất lượng và hiệu quả cuộc họp trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí. Kết quả thực hiện tiết kiệm chi quản lý hành chính do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức là 33.444,23 triệu đồng;

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm trong chương trình mục tiêu quốc gia là 532 triệu đồng;

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm trong nghiên cứu khoa học công nghệ là 26 triệu đồng;

- Quản lý, sử dụng tiết kiệm trong kinh phí giáo dục và đào tạo là 259.01 triệu đồng;

b3) Sử dụng, quyết toán Ngân sách nhà nước lãng phí, sai chế độ:

- Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng Ngân sách nhà nước 66 đơn vị;

- Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng Ngân sách nhà nước lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được là 17 đơn vị;

- Số tiền vi phạm đã phát hiện là 795,95 triệu đồng.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước: Việc mua sắm sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã dần đi vào nề nếp và tuân thủ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thể hiện trên các lĩnh vực sau:

- Việc mua sắm, sửa chữa tài sản đã chủ động với công tác lập và chấp hành ngân sách; từng bước gắn trách nhiệm của cơ quan sử dụng tài sản nhà nước trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng sai mục đích tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị. Tuyệt đối không sử dụng xe công vào các mục đích riêng của cá nhân hoặc tập thể.

- Hầu hết tài sản nhà nước được mua sắm dưới hình thức đấu thầu;

thông qua đó tăng cường tính công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho nhiều nhà cung cấp tài sản, hàng hóa tham gia; góp phần tiết kiệm kinh phí cho ngân sách nhà nước và phòng, chống tham nhũng.

- Việc sửa chữa, điều chuyển, thanh lý, bán, thu hồi tài sản nhà nước được thực hiện đúng thẩm quyền theo phân cấp quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh; trong đó, quá trình lập kế hoạch sửa chữa, điều chuyển, thu hồi tài sản và tổ chức thực hiện đều dựa trên tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng tài sản nhà nước gắn với yêu cầu thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức được kê khai, đăng ký đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; đến nay tỉnh Quảng Ngãi đã cơ bản hoàn thành việc kê khai, đăng ký dữ liệu về tài sản nhà nước vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước; đồng thời thực hiện mở sổ sách theo dõi và hạch toán tài sản đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật. Kết quả việc quản lý phương tiện đi lại và tài sản khác như sau:

+ Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy): Số lượng xe đầu kỳ 225 chiếc; Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển) 09 chiếc; Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển) 10 chiếc; Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ: không;

+ Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại là 2 triệu đồng;

- Tài sản khác

+ Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi là 657 tài sản;

+ Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản là 0,8 triệu đồng;

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

- THTK, CLP trong đầu tư xây dựng: UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị tiến hành rà soát, bố trí lại việc đầu tư xây dựng và mức vốn đầu tư một số danh mục công trình, tập trung vào những công trình trọng tâm, trọng điểm có khả năng hoàn thành trong năm. Tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo tinh thần Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh quyết toán vốn đầu tư của các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước và các quy định của Nhà nước về công tác quyết toán dự án hoàn thành; UBND tỉnh Quảng Ngãi ngay từ đầu năm đã tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, duy trì công tác giao ban trực báo, công khai tình hình quyết toán và xử lý kịp thời các vướng mắc, theo đó công tác quyết toán dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh năm 2016 đã đạt được những kết quả nhất định, đó là đã hoàn thành việc xử lý các thủ tục vướng mắc tồn tại kéo dài của một số các

dự án làm ảnh hưởng tới công tác lập báo cáo quyết toán; phần lớn các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cơ bản được lập hồ sơ báo cáo quyết toán gửi tới cơ quan thẩm tra đúng thời gian theo quy định; công tác thẩm tra phê duyệt tiếp tục được quan tâm thực hiện, trong thẩm tra, phê duyệt quyết toán của các cơ quan chức năng được thực hiện đúng quy trình và cơ bản đảm bảo về mặt thời gian; Kết qua kinh phí tiết kiệm được: 85.568.90 triệu đồng; trong đó:

- + Thẩm định, phê duyệt dự toán, tổng dự toán: 6.174,64 triệu đồng;
- + Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh: 41.351,76 triệu đồng;
- + Thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 37.740,31 triệu đồng;
- Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ: có giá trị đầu tư phải thanh toán là 890 triệu đồng;
- THTK, CLP trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

Nhìn chung, thời gian qua công tác quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã dần đi vào nề nếp và tuân thủ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Tài sản nhà nước tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức được kê khai, đăng ký đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; đến nay tỉnh Quảng Ngãi đã cơ bản hoàn thành việc kê khai, đăng ký dữ liệu về tài sản nhà nước vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước; đồng thời thực hiện mở sổ sách theo dõi và hạch toán tài sản đầy đủ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật.

- + Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ là 2.800.898,31 m²;
- + Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển là 4.096,06 m²;
- + Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại là 99.635 m²;
- THTK, CLP trong nhà ở công vụ, công trình phúc lợi công cộng:
- + Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ là 18.217,30 m²;
- + Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại là 245 m².

đ) THTK, CLP trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thành phố rà soát các hoạt động khai thác về tài nguyên khoáng sản nhằm chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời những sai phạm xảy ra; đã kịp thời giải quyết những vướng mắc, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quản lý về khoáng sản và đưa hoạt động khoáng sản vào nề nếp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp trong quản lý và cấp phép tài nguyên khoáng sản và Chỉ thị số 29/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng

cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động khai thác, vận chuyển, tiêu thụ cát, sỏi lòng sông. Kết quả số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được 48 triệu đồng.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước:

- Thực hiện nghiêm quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế. Không tăng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong năm 2016. Đối với số biên chế giảm do nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, các đơn vị, địa phương chỉ được bổ sung tối đa 50% số biên chế giảm.

- Tuyển dụng người đúng trình độ, tiêu chuẩn nghiệp vụ phát huy năng suất lao động của cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tiết kiệm thời gian lao động theo đúng Chỉ thị số 05/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; đảm bảo giờ giấc hành chính đi làm đúng giờ, không đi trễ về sớm, không chơi game, chat trong giờ làm việc,...

- Thực hiện nghiêm túc quy chế, nội quy cơ quan; triển khai, áp dụng các phương thức quản lý tiên tiến, công khai, minh bạch như hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý; cải tiến, nâng cao chất lượng các cuộc họp, hội nghị, hội thảo.

- Thực hiện quản lý chặt chẽ thời giờ lao động, kiểm tra, giám sát chất lượng và đảm bảo hiệu quả công việc của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị.

- UBND tỉnh tăng cường chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính trên các sở, ban, ngành và địa phương đã triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ, Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 16/11/2012 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân của cán bộ, đảng viên. UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 quy định một số biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính của tỉnh Quảng Ngãi; Chỉ thị số 31-CT/TU ngày 13/6/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương không dùng rượu, bia trong buổi trưa các ngày làm việc ở các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Các cơ quan, đơn vị đã tích cực trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được nâng lên rõ rệt.

- Khuyến khích, khen thưởng những cán bộ, công chức, viên chức nghiêm túc chấp hành tốt kỷ luật lao động, làm việc có năng suất, chất lượng,

hiệu quả; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng thời giờ làm việc, về kỷ luật lao động; xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm; không xét khen thưởng đối với công chức, viên chức và nhân viên vi phạm thời giờ làm việc; đưa vấn đề chấp hành và sử dụng hiệu quả thời giờ vào tiêu chuẩn xếp loại thi đua, khen thưởng của cơ quan.

- Về tinh giản biên chế: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; trên cơ sở Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh, Sở Nội vụ đã tham mưu ban hành các văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và địa phương xây dựng Đề án tinh giản biên chế và thẩm định, giải quyết cho từng đối tượng tinh giản của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng trình tự và thời gian quy định của UBND tỉnh và Bộ Nội vụ.

Theo quy định và hướng dẫn nhiều sở, ban, ngành, địa phương đã chấp hành việc xây dựng và trình Đề án tinh giản biên chế. Sau khi các đơn vị xây dựng Đề án và danh sách các đối tượng tinh giản biên chế, Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của các sở, ban, ngành và huyện, thành phố và báo cáo Bộ Nội vụ thẩm tra, thông nhất giải quyết cho 265 đối tượng tinh giản biên chế khỏi nhà nước (trong đó nghỉ hưu trước tuổi 257 người, nghỉ thôi việc ngay 08 người), cụ thể như sau:

- + Khối hành chính: 24 người.
- + Khối sự nghiệp trong biên chế: 213 người.
- + Khối xã, phường, thị trấn: 25 người.

Việc tinh giản biên chế trong thời gian qua đảm bảo đúng theo các quy định của Trung ương về đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức cần phải sắp xếp, tinh giản sau khi rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Đồng thời, thông qua việc rà soát lại chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thủ trưởng các cơ quan đơn vị và địa phương đã chủ động hơn trong việc sử dụng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức của mình.

g) Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

UBND tỉnh đã triển khai và tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh theo Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định

của chủ sở hữu. Trong năm 2016, các doanh nghiệp quản lý vốn nhà nước đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý, mở rộng kinh doanh, tăng cường quản lý các định mức tiêu hao nguyên vật liệu...nên đã góp phần bảo toàn vốn nhà nước và tiếp tục phát triển kinh doanh có hiệu quả, có doanh thu và lợi nhuận tăng, kiên quyết xử lý nợ khó đòi. Với kết quả cho thấy là:

- Tiết kiệm nguyên, vật liệu là 13,2 triệu đồng;
- Tiết kiệm chi phí quản lý là 7.736 triệu đồng;
- Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật là 3.078,10 triệu đồng;
- Tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng:
 - + Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện 54 dự án;
 - + Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả là 52 dự án;
 - + Chi phí đầu tư tiết kiệm được là 74.306 triệu đồng;
 - + Lãng phí thất thoát, vi phạm pháp luật 02 dự án.
- Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách Nhà nước:
 - + Số tiền tiết kiệm được là 245 triệu đồng;
 - + Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt là 148 triệu đồng.
- THTK, CLP trong mua sắm phương tiện (mua xe ô tô con)
 - + Số xe đầu kỳ: 08 chiếc; số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới) 04 chiếc;
 - + Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ là 5.145,9 triệu đồng;
 - + Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng) 03 chiếc;
 - + Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng là 191,3 triệu đồng.
 - Nợ phải thu khó đòi số đầu kỳ cao nhưng doanh nghiệp đã kiên quyết trong xử lý số nợ khó đòi giảm hẳn so với đầu năm:
 - + Số đầu kỳ: 1.425,58 triệu đồng;
 - + Số cuối kỳ: 58,49 triệu đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu được tăng cao trong năm:
 - + Số đầu năm: 171.428,17 triệu đồng;
 - + số cuối kỳ: 249.509,21 triệu đồng.

h) Tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng:

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện nếp sống văn minh nơi công sở, xây dựng cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa, nhất là thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo Quyết định số 308/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, việc tổ chức phải hết sức tiết kiệm, lành mạnh, không phô trương, hình thức, không tổ chức nhiều ngày. Hầu hết các địa phương đều đưa tiêu chí thực hành tiết kiệm, chống lãng phí vào cuối năm để xét gia đình văn hóa trong khu dân cư.

1. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí:

Nhìn chung trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chưa phát hiện hành vi lãng phí và chưa xử lý trường hợp nào lãng phí.

2. Phân tích, đánh giá

a) Đánh giá kết quả đạt được:

Trong năm 2016, tình hình thực hiện Luật THTK, CLP trên địa bàn tỉnh có những chuyển biến tích cực. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ, Ngành, Trung ương và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của tỉnh để xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện; Thông qua việc tổ chức học tập quán triệt Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Chương trình hành động của Chính phủ và của tỉnh đã nâng cao nhận thức và ý thức về tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong toàn tỉnh. Một số đơn vị, địa phương làm tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và đã thu được một số kết quả nhất định. Việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước từng bước đi vào nề nếp, nên đã tiết kiệm được những khoản chi không cần thiết để bù sung kinh phí cho hoạt động chuyên môn và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ dự toán đến khâu quyết toán hàng năm, kế hoạch xây dựng cơ bản, công khai quy trình thu và sử dụng các loại Quỹ, các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân tại địa phương... nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Về những ưu điểm, tồn tại hạn chế

* Ưu điểm

Nhìn chung, công tác triển khai quán triệt chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Đảng và Nhà nước được tuyên truyền sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức và trong nhân dân thường xuyên. Triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, chỉ thị và thực hiện chương trình kế hoạch đã xây dựng hàng năm. Các địa phương, đơn vị đều tổ chức và tham gia học tập quán triệt các chủ trương của Trung ương và địa phương về THTK, CLP. Thông qua việc tổ chức học tập quán triệt Luật THTK, CLP, Chương trình hành động của Chính phủ và của tỉnh đã nâng cao nhận thức và ý thức về tiết kiệm, chống lãng phí

trong toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong toàn tỉnh.

Trên cơ sở chương trình hành động của tỉnh THTK, CLP, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố đều xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể của mình và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung qui định.

* **Tồn tại hạn chế**

- Việc triển khai Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại một số sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn còn mang tính hình thức, chưa cụ thể hóa các văn bản, chỉ thị có liên quan đến tiết kiệm, chống lãng phí trong các chương trình kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị, địa phương.

- Công tác báo cáo định kỳ một số sở, ban, ngành và địa phương còn chậm so với thời gian quy định, thậm chí có một số địa phương, đơn vị không thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, nên gây không ít khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo. Nội dung báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các ngành chuyên môn chưa đánh giá được thực trạng về sử dụng nguồn lực cán bộ công chức, việc lãng phí trong quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch, khai thác tài nguyên khoáng sản; việc báo cáo sơ sài, lấy lệ làm khó khăn cho công tác tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định. Nhìn chung qua báo cáo của các đơn vị mới phản ánh được việc quản lý và sử dụng ngân sách được giao hàng năm, chưa phản ánh toàn diện hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Một số đơn vị chưa đề cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Ý thức chấp hành về thời gian làm việc của cán bộ công chức, viên chức nhìn chung được nâng lên nhưng hiệu quả sử dụng thời gian làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập còn thấp.

- Công tác thanh tra, kiểm tra công tác thực hành tiết kiệm đôi lúc vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa khắc phục được tình trạng lãng phí trong tổ chức bộ máy và sử dụng lao động.

- Công tác tự kiểm tra nội bộ còn rất hạn chế; hoạt động kiểm tra, thanh tra, điều tra phát hiện hành vi lãng phí còn ít. Công tác giám sát của hội đồng nhân dân các cấp, của Mặt trận tổ quốc các cấp, các tổ chức đoàn thể chưa phát hiện tham nhũng, lãng phí chưa phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Phương hướng, nhiệm vụ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017

1. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014; đồng thời ban hành chương trình hành động thực hành thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2017 của đơn vị, ngành, địa phương mình và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2. Căn cứ Chương trình tổng thể về THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt cả nhiệm kỳ công tác; chỉ đạo xây dựng Chương trình THTK, CLP giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Quảng Ngãi trong đó cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm cho từng năm, từng lĩnh vực; phân công rõ ràng trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm. Quy định kết quả THTK, CLP là tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

3. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 184-KL/TU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi .

4. Tập trung chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác thu ngân sách và có biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả trong công tác thu, chi ngân sách; tiếp tục chỉ đạo thực hiện các quy định của Chính phủ, của tỉnh trong quản lý, điều hành nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017. Giảm tối đa các chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, hội họp, đi công tác nước ngoài.

5. Tiếp tục thực hiện nghiêm Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị hành chính và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, 100% đơn vị có quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, tạo điều kiện cho các đơn vị chủ động trong việc sử dụng kinh phí, sắp xếp biên chế một cách hợp lý, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao trên cơ sở tiết kiệm, chống lãng phí, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

6. Rà soát để bố trí vốn cho những công trình, dự án trọng điểm, thật sự bức xúc hoặc còn dở dang; kiên quyết không bố trí vốn cho những công trình, dự án không đảm bảo thủ tục hoặc không hiệu quả.

7. Nâng cao tính công khai, minh mạch trong công tác đấu thầu, đảm bảo tính công bằng, cạnh tranh và nâng cao hiệu quả kinh tế; khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu.

8. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tiếp tục triển khai ứng dụng rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý hành chính ngày càng tốt hơn.

9. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở ở cơ quan; chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa" và "Một cửa liên thông" nhằm giải quyết nhanh, gọn, đúng pháp luật, có chất lượng hồ sơ hành chính của công dân, tổ chức, tránh phiền hà, nhũng nhiễu.

10. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

11. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chú trọng đến công tác kiểm tra, đôn đốc, kiểm soát việc cải cách hành chính, minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai.

Kính báo cáo Bộ Tài chính./.

(Có phụ lục kèm theo)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, CBTH;
- Lưu: VT, KT Vi 56



Trần Ngọc Cang

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục

Theo dõi, tổng hợp kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: Năm 2016

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 2 tháng 3 năm 2016 của UBND tỉnh Quang Ngãi)

STT	Nội dung	ĐVT	Năm trước	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh		Ghi chú
						TH/Năm trước	TH/KH	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ		25.18	20.00	1,626.85			
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	Văn bản	5.00	9.00	8.00	160.0%	88.9%	
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	4.00	8.00	8.00	200.0%	100.0%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	6.00	3.00	4.00	66.7%	133.3%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	3.00		14.00	466.7%	0.0%	
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	7.18		1,592.85	22196.9 %	0.0%	
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)		270,771.68	133,833.62	345,970.63	127.8%	258.5%	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		56,226.17	84,142.56	85,967.01	152.9%	102.2%	

1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	Triệu đồng				0.0%	0.0%
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (10% tiết kiệm đầu năm)	Triệu đồng	54,633.71	82,542.56	84,365.95	154.4%	102.2%
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	Triệu đồng	1,500.00	1,500.00	1,500.00	100.0%	100.0%
1.4	Các nội dung khác		92.46	100.00	101.06	109.3%	101.1%
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		213,426.53	49,638.07	259,124.67	121.4%	522.0%
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:						
	- Tiết kiệm văn phòng phẩm	Triệu đồng	185,275.18	19,142.40	224,052.18	120.9%	1170.4%
	- Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	Triệu đồng	32,204.67	3,608.96	16,627.07	51.6%	460.7%
	- Tiết kiệm sử dụng điện	Triệu đồng	34,481.02	2,309.05	2,210.48	6.4%	95.7%
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Triệu đồng	17,831.58	1,901.34	2,005.88	11.2%	105.5%
	- Tiết kiệm nước sạch	Triệu đồng	4,604.18	931.40	6,858.38	149.0%	736.4%
	- Tiết kiệm công tác phí	Triệu đồng	635.46	844.90	987.23	155.4%	116.8%
	- Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	Triệu đồng	72,128.15	3,727.19	3,601.69	5.0%	96.6%
	- Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	Triệu đồng	14,247.49	1,212.72	1,178.88	8.3%	97.2%
	- Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	Triệu đồng	7,582.08	2,930.02	19,857.75	261.9%	677.7%
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)	Triệu đồng	1,484.37	623.39	811.25	54.7%	130.1%
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	Triệu đồng	758.01	466.03	507.95	67.0%	109.0%

b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	Triệu đồng	726.36	157.36	303.30	41.8%	192.7%
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	Triệu đồng	64.36	64.36	38.00	59.0%	59.0%
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	Triệu đồng	142.00		178.30	125.6%	0.0%
	- <i>Thương thảo hợp đồng</i>	Triệu đồng	520.00	93.00	87.00	16.7%	93.5%
	- <i>Các nội dung khác</i>	Triệu đồng	-	-	-	0.0%	0.0%
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	25,892.39	29,006.92	33,444.23	129.2%	115.3%
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	511.00	550.00	532.00	104.1%	96.7%
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	56.35	56.35	26.00	46.1%	46.1%
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	207.23	259.01	259.01	125.0%	100.0%
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	-	-	-	0.0%	0.0%
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ		1,118.98	53.00	878.95	78.5%	1658.4%
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	Đơn vị	112.00	53.00	66.00	58.9%	124.5%
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	Đơn vị	16.00	-	17.00	106.3%	0.0%
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	Triệu đồng	990.98	-	795.95	80.3%	0.0%
4	Các nội dung khác		-	-	-	0.0%	0.0%
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước					0.0%	0.0%
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)					0.0%	0.0%
1.1	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc				99.6%	116.8%

			226.00		225.00		
1.2	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	Chiếc	226.00	8.00	9.00	83.3%	112.5%
1.3	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	Chiếc	6.00	7.00	10.00	166.7%	142.9%
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	Chiếc				0.0%	0.0%
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	Triệu đồng			2.00	0.0%	0.0%
2	Tài sản khác					0.0%	0.0%
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sáp xếp, điều chuyển, thu hồi	Tài sản	740.00	652.00	657.00	88.8%	100.8%
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	Tài sản				0.0%	0.0%
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	Triệu đồng			0.80	0.0%	0.0%
3	Các nội dung khác					0.0%	0.0%
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng					0.0%	0.0%
1	Trong đầu tư xây dựng					0.0%	0.0%
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	Dự án				0.0%	0.0%
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	Triệu đồng	73,672.53	81,944.92	85,568.90	116.1%	104.4%
	- Thủ định phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	21,595.35	4,423.08	6,174.64	28.6%	139.6%
	- Thực hiện chào hàng cạnh tranh.	Triệu đồng	7,861.97	41,417.80	41,351.76	526.0%	99.8%
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng	11,621.91	78.90	572.20	4.9%	725.3%
	- Thủ tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	32,593.29	36,025.15	37,470.31	115.0%	104.0%
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	Triệu đồng				0.0%	0.0%

					25,274.69		
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	Dự án				0.0%	0.0%
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ					0.0%	0.0%
	Số lượng	Dự án				0.0%	0.0%
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	Triệu đồng	1,412.00		890.00	63.0%	0.0%
2	Trụ sở làm việc					0.0%	0.0%
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	2,899,849.4 1	2,765,123.4 0	2,800,898.31	96.6%	101.3%
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	439.00	1,699.00	4,096.06	933.0%	241.1%
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		99,358.00	99,635.00	0.0%	100.3%
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²				0.0%	0.0%
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²				0.0%	0.0%
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	Triệu đồng				0.0%	0.0%
3	Nhà công vụ						
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²	18,327.98	16,385.38	18,217.30	99.4%	111.2%
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²				0.0%	0.0%
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²		245.00	245.00	0.0%	100.0%
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²					
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²					

3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	Triệu đồng
4	Các nội dung khác	
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên					
1	Quản lý, sử dụng đất					
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bô hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bô hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng
1.4	Các nội dung khác	
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác					
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	Vụ
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng	100.00	.	48.00	48.0%
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được					
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	Dự án
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	Triệu đồng
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	
4	Các nội dung khác	
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước					
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	Vụ

2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	Triệu đồng					
3	Các nội dung khác		-	-	-	-	-
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp						
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	Triệu đồng	382.40		13.20	3.5%	0.0%
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng					0.0%	0.0%
	- Tiết kiệm điện	Kwh	17.93	14.75	20.90	116.6%	141.7%
	- Tiết kiệm xăng dầu	Tấn (lit)				0.0%	0.0%
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	Triệu đồng	7,982.00	2,490.08	7,736.00	96.9%	310.7%
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	Triệu đồng	2,142.00		3,078.10	143.7%	0.0%
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký (theo Nghị quyết 01 ngày 03/01/2012 của Chính phủ)	Triệu đồng					
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	Triệu đồng					
2	Quản lý đầu tư xây dựng						
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	Dự án	66.00		54.00	81.8%	0.0%
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	Dự án	63.00		52.00	82.5%	0.0%
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	Triệu đồng	54,706.91	1,400.00	74,306.00	135.8%	5307.6%
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	Triệu đồng	533.40	1,400.00	2,982.00	559.1%	213.0%
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	Triệu đồng	9,066.55		10,426.00	115.0%	0.0%
	- Thực hiện đầu tư, thi công	Triệu đồng				0.0%	0.0%

	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Triệu đồng	45,106.96		60,898.00	135.0%	0.0%	
2.4	Lỗ phí, vi phạm, thất thoát vốn					0.0%	0.0%	
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lỗ phí, vi phạm pháp luật	Dự án	3.00		2.00	66.7%	#DIV/0!	
	- Số tiền bị thất thoát, lỗ phí, vi phạm pháp luật	Triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	Triệu đồng		245.00	245.00	0.0%	100.0%	
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	Triệu đồng		148.00	148.00	0.0%	100.0%	
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lỗ phí	Triệu đồng						
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	Chiếc	8.00	245.00	8.00	100.0%	116.8%	
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	Chiếc	8.00	4.00	4.00	0.0%	100.0%	
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	Triệu đồng	1,262.80	5,152.64	5,145.79	407.5%	99.9%	
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc		1.00	3.00		300.0%	
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	Triệu đồng		49.00	191.30		390.4%	
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	Chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	Triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							

	Số đầu kỳ	Triệu đồng	1,000.50		1,425.58	142.5%	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	1,425.58		58.49	4.1%	
6	Vốn chủ sở hữu						
	Số đầu năm	Triệu đồng	172,367.33		171,428.17	99.5%	
	Số cuối kỳ	Triệu đồng	171,428.17		249,509.21	145.5%	
VIII	THTK, CLP trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân						
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ					
2	Các vụ việc gây lỗ phí được phát hiện	Vụ					
IX	Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP						
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	Cuộc	45.00	38.00	39.00	86.7%	102.6%
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	Cuộc	42.00	32.00	33.00	78.6%	103.1%
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/don vi	154.00	145.00	145.00	94.2%	100.0%
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lỗ phí, vi phạm về THTK, CLP	Cơ quan/tổ chức/don vi	107.00	73.00	73.00	68.2%	100.0%
5	Tổng giá trị tiền và tài sản bị lỗ phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	Triệu đồng	245.70	7.18	7,035.91	2863.6%	98047.7 %
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lỗ phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	Triệu đồng	16,149.57	7.18	5,235.29	32.4%	72955.6 %